

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2022/HS-PT

Ngày 04- 5- 2022

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Hùng

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Xuân Minh

Ông Hoàng Minh Thịnh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 508/2021/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo Dương Thành N và bị cáo Trương Thị Tuyết M, do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1222/2021/QĐXXPT ngày 27 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

**1. Dương Thành N**, sinh ngày 10/11/1959 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Số A, đường số B, khóm C, phường D, thành phố E, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Công chức; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên, nhưng đã bị khai trừ vào ngày 28/11/2017; con ông Dương Văn Đ (đã chết) và bà Huỳnh Thị R; Có vợ và 02 người con; Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giam ngày 28/7/2016; Ngày 09/3/2019 thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo đang tại ngoại (có mặt).

**2. Trương Thị Tuyết M**, sinh năm 1980 tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp

; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Là Đảng viên, nhưng đã bị khai trừ ngày 28/11/2017; Con ông Trương Bá N và bà Lê Thị T; Có chồng và 01 người con; Tiền án, tiền sự: Không;

Tạm giam ngày 20/9/2016; ngày 14/8/2020 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Hiện bị cáo tại ngoại (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Dương Thành N*: Luật sư Võ Thị Băng Giang – Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Tháp Mười được thành lập theo Quyết định số 118/QĐ.UB.TL ngày 05/9/2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Tháp là đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, tự đảm bảo một phần kinh phí, hoạt động trực thuộc Sở Y tế, được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ. Bệnh viện Tháp Mười hoạt động từ nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu viện phí được tự hạch toán. Trong đó, nguồn thu viện phí là khoản thu thuộc ngân sách Nhà nước theo quy định của Pháp lệnh về phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Dương Thành N được bổ nhiệm làm Giám đốc Bệnh viện ngày 27/4/2005, Võ Văn K được bổ nhiệm làm Trưởng phòng Tài chính Kế toán ngày 20/9/2007, Trương Thị Tuyết M được bổ nhiệm là Kế toán viên ngày 31/10/2008.

Quá trình thực thi nhiệm vụ được phân công, Dương Thành N, Võ Văn K, Trương Thị Tuyết M có nhiều sai phạm trong tài chính, kế toán gây hậu quả nghiêm trọng làm thiệt hại cho bệnh viện Tháp Mười. Hành vi phạm tội cụ thể của các bị cáo như sau:

*Hành vi “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” của Dương Thành N*

Dương Thành N làm Giám đốc Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười từ 21/5/2005 đến 31/12/2014, là chủ tài khoản đơn vị hành chính sự nghiệp, nhưng

đã không làm tròn trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật, không chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ công tác tài chính, kế toán, bỏ mặc cho kế toán trưởng tự quản lý, điều hành các khoản thu chi của bệnh viện không theo nguyên tắc, không đúng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp, dẫn đến không kiểm soát được nguồn thu viện phí, nguồn trích lập các nguồn quỹ, gây thiệt hại 5.088.534.585 đồng.

*Hành vi “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” của Võ Văn K và Trương Thị Tuyết M:*

Võ Văn K là Kế toán trưởng Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp Mười từ ngày 16/02/2004 đến 31/12/2013, đã làm không đúng quy định của Nhà nước về Kế toán, chỉ đạo cho Trương Thị Tuyết M thực hiện không đúng luật ngân sách Nhà nước, luật Kế toán gây thiệt hại 3.371.519.095 đồng; Riêng Võ Văn K còn tự sửa số liệu, kết chuyển thiếu nguồn quỹ gây thất thoát 1.717.015.490 đồng.

Trương Thị Tuyết M là Kế toán thanh toán làm theo sự chỉ đạo của Võ Văn K thực hiện không đúng luật ngân sách Nhà nước, luật Kế toán đã cùng với K gây thiệt hại cho Bệnh viện đa khoa Tháp Mười 3.371.519.095 đồng.

Các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với kết quả giám định của Sở Tài chính Đồng Tháp ngày 09/6/2016, vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 72; Điều 73 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002 và khoản 3 Điều 49; khoản 4 Điều 40 Luật Kế toán năm 2003.

*Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên xử:*

Bị cáo Trương Thị Tuyết M phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, bị cáo Dương Thành N phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị Tuyết M 08 (tám) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án số 29/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo Trương Thị Tuyết M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 20/9/2016.

Áp dụng khoản 4 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ 2 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

- Căn cứ: Khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Dương Thành N 02 (hai) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù của bản số 29/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo Dương Thành N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 28/7/2016.

Áp dụng khoản 3 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ 2 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với bị cáo khác, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 02/10/2018, bị cáo M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/10/2018, bị cáo N kháng cáo cho rằng bị cáo chỉ có một hành vi phạm tội nhưng bị xét xử hai lần, bị cáo đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại bản án phúc thẩm số 379/2019/HS-PT ngày 17/7/2019 đã hủy án sơ thẩm để điều tra lại.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 39/2021/HS-GĐT ngày 24/9/2021 của TANDTC đã hủy bản án phúc thẩm số 379/2019/HS-PT ngày 17/7/2019 để xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng các quy định về tố tụng, không vi phạm thủ tục tố tụng, đơn kháng cáo của bị cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung kháng cáo: Bị cáo N thiếu trách nhiệm gây thiệt hại cho Bệnh viện, bị cáo M cố ý làm trái quy định về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, cấp sơ thẩm kết luận các bị cáo phạm tội là có căn cứ. Bị cáo N kháng cáo cho rằng một hành vi phạm tội nhưng bị cáo bị xét xử hai lần, kháng cáo này là không có căn cứ vì bị cáo N có hai hành vi phạm tội khác nhau, bị xét xử ở hai vụ án khác nhau. Hành vi của các bị cáo là rất nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn. Quá trình lượng hình cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ của các bị cáo, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, bị cáo N đã bị xử phạt tù ở bản án trước nên không có căn cứ để cho hưởng án treo. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của án sơ thẩm đối với hai bị cáo.

Bị cáo M trình bày: Bị cáo chỉ là kế toán viên, làm theo chỉ đạo, xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo N trình bày: Bị cáo có trách nhiệm trong việc để thất thoát tài sản nhưng cũng có trách nhiệm của cấp trên vì nhiều đoàn thanh tra của các Sở Tài chính, Y tế nhưng không phát hiện sai phạm. Bị cáo sức khỏe yếu, nhiều bệnh.

Luật sư trình bày: Luật sư thông nhất với tội danh cấp sơ thẩm đã kết luận. Bị cáo bị bệnh tim, sức khỏe suy giảm nghiêm trọng, không đi lại được, đề nghị cho bị cáo N hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]- Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời thừa nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm, phù hợp với chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận:

Bị cáo N có thời gian làm giám đốc bệnh viện đa khoa khu vực Đồng Tháp từ ngày 21/5/2005 đến ngày 31/12/2014, với chức trách nhiệm vụ của mình, bị cáo N có trách nhiệm là chủ tài khoản của đơn vị, quản lý công tác tài chính, kế toán, bảo đảm thực hiện đúng các chế độ tài chính, kế toán của bệnh viện theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị cáo buông lỏng quản lý, không chỉ đạo, kiểm tra chặt chẽ công tác tài chính, kế toán, bỏ mặc kế toán trưởng tự quản lý, điều hành các khoản thu, chi của bệnh viện không theo nguyên tắc, chế độ tài chính, kế toán của đơn vị hành chính sự nghiệp, dẫn đến không kiểm soát được nguồn thu viện phí, nguồn trích lập các quỹ, gây thiệt hại 5.088.534.585đ.

Bị cáo M là kế toán của bệnh viện, làm theo sự chỉ đạo của kế toán trưởng là bị cáo Võ Văn K, M không thực hiện đúng các quy định của Luật kế toán, Luật ngân sách trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, cùng K gây thiệt hại cho bệnh viện đa khoa Tháp Mười 3.371.519.095đ.

Cấp sơ thẩm kết luận bị cáo Trương Thị Tuyết M phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*” theo khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 và bị cáo Dương Thành N phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ.

[2]- Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy:

2.1- Đối với bị cáo N: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, đồng thời bị cáo cho rằng cùng một hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo nhưng bị xét xử hai lần.

Xét thấy: Hành vi của bị cáo N thiếu trách nhiệm trong việc để Hồ Văn K tham ô tài sản và hành vi để xảy ra việc K và M Cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng. Hành vi Thiếu trách nhiệm của bị cáo N trong hai trường hợp này là độc lập với nhau và được giải quyết bằng hai vụ án khác nhau là đúng pháp luật, không có việc xét xử hai lần đối với một hành vi phạm tội. Quyết định giám đốc thẩm số 39/2021/HS-GĐT ngày 24/9/2021 đã nhận định rõ nội dung này.

Hành vi phạm tội của bị cáo N là rất nghiêm trọng, bị cáo là người đứng đầu đơn vị nhưng buông lỏng quản lý dẫn đến các sai phạm của cấp dưới, gây thiệt hại rất lớn cho nhà nước nên phải xử phạt nghiêm minh. Quá trình lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo N.

## 2.2- Đối với kháng cáo của bị cáo M:

Bị cáo là kế toán của bệnh viện nhưng không thực hiện đúng các quy định về tài chính, kế toán trong khi thực hiện nhiệm vụ, gây hậu quả rất nghiêm trọng. Khi lượng hình, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, mức án cấp sơ thẩm đã tuyên là dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo kháng cáo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo M.

[3] - Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Thành N và Trương Thị Tuyết M; giữ nguyên quyết định của án sơ thẩm số 25/2018/HS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp về phần hình sự đối với hai bị cáo như sau:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Thị Tuyết M phạm tội “*Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng*”, bị cáo Dương Thành N phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

1- Căn cứ: Khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Trương Thị Tuyết M 08 (tám) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù của bản án số 29/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo Trương Thị Tuyết M phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 11 (mười một) năm tù, được trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/9/2016 đến ngày 14/8/2020 là 03 năm 10 tháng 24 ngày. Bị cáo còn phải chấp hành 07 (bảy) năm 01 (một) tháng 06 (sáu) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án,

Áp dụng khoản 4 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ 2 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

2- Căn cứ: Khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Dương Thành N 02 (hai) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù của bản số 29/2017/HSST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, buộc bị cáo Dương Thành N phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, được trừ thời gian bắt tạm giam từ ngày 28/7/2016 đến ngày 09/3/2019 là 02 năm 7 tháng 11 ngày, bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) năm 10 (mười) tháng 19 (mười chín) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng khoản 3 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ 2 năm kể từ ngày chấp hành xong bản án.

3- Bị cáo Dương Thành N và Trương Thị Tuyết M mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm do không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án .

#### **Nơi nhận**

- Bị cáo; các đương sự;
- Tòa án nhân dân tối cao
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Đồng Tháp
- VKSND tỉnh Đồng Tháp
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp
- Công an tỉnh Đồng Tháp
- BCTN
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Hùng**